TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân

Ông Nguyễn Văn Xem

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Giang Thành L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ đơn khởi kiện và các lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết H thể hiện như sau: Bà và ông Giang Thành L chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/3/2020; quá trình chung sống với ông Giang Thành L có 01 con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cự cải chuyện sinh hoạt gia đình, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được và mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm và đã không còn liên lạc với nhau. Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H xét thấy không còn tình cảm với ông Giang Thành L nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu được ly hôn với ông Giang Thành L.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019, bà không yêu cầu ông Giang Thành L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Giang Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày như sau: Ông có lời khai thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết H về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn, về tài sản chung và về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Giang Thành L cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2022 vợ chồng thường xuyên cải nhau do bất đồng trong quan niệm sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn 07 tháng nay, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm và đã không còn liên lạc với nhau. Nay ông Giang Thành L xét thấy không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Tuyết H nên ông Giang Thành L có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Giang Thành L thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Về con chung: Ông thống nhất giao con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/3/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L cho rằng là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với ông Giang Thành L và ông Giang Thành L cũng thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Giang Thành L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L có ý kiến thống nhất khi ly hôn giao con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Giang Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L, tiếp tục giao con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Tuyết H không yêu cầu ông Giang Thành L phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H và bị đơn ông Giang Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L cho rằng nguyên nhân mâu thẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với ông Giang Thành L và ông Giang Thành L cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Giang Thành L.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H có ý kiến yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019; ông Giang Thành L cũng có ý kiến thống nhất giao con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ý kiến này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Tuyết H không tranh chấp, không yêu cầu ông Giang Thành L cấp dưỡng con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết H, cho bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Giang Thành L.

2. Về con chung: Chấp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L. Giao cháu Giang Khánh L, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Tuyết H không tranh chấp, không yêu cầu ông Giang Thành L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009300 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Giang Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã H, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính